

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Long**

2. Ông **Lê Văn Nghĩa**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Dương Thị B**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn:* **Phạm Thanh H**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp G, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

(có mặt chị B, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình cùng ngày 04/4/2025 và trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn Dương Thị B trình bày:*

Chị và anh Phạm Thanh H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND xã C, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2004, ngày 03/03/2004.

Thời gian đầu, cả hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, không lo làm, mỗi lần uống rượu về nhà là anh H thường chửi và đánh chị, sự việc kéo dài nhiều năm, anh H không thay đổi, nên lần đánh chị gây thương tích vào năm 2007 chị quyết định một mình rời khỏi nhà anh H. Hai vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay, không còn liên lạc qua lại. Con chung chị để lại cho anh H nuôi dưỡng, hàng tuần hoặc hàng tháng chị về thăm nom, chăm sóc và phụ lo chi phí nuôi dưỡng con chung từ đó cho đến nay.

Hiện tại, mục đích hôn nhân giữa chị và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Về hôn nhân:* Chị B xin được ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên **Phạm Thị Thủy T**, sinh ngày 15/08/2005, nay con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B trình bày không có.

** Bị đơn Phạm Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh. Anh H cũng không nộp cho Tòa án văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của chị B.*

Tại phiên tòa hôm nay

- Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh H.

- Anh H vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập theo luật định. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh H.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Dương Thị B và anh Phạm Thanh H xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2004, ngày 03/03/2004 (nay là UBND xã C, tỉnh Đồng Tháp).

Tại phiên tòa, chị B trình bày nguyên nhân chính chị quyết định ly hôn với anh H là do anh H hay chửi, đánh chị mỗi lần có uống rượu, anh không lo làm ăn, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình chị là người lo liệu. Hai vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2007 đến nay, thời gian ly thân là quá lâu, vì vậy việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là không thể.

Đối với anh H, anh từ chối ký nhận tất cả các văn bản tố tụng, giấy triệu tập do Tòa án tổng đạt, anh cũng không tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị B. Từ đó cho thấy anh H cũng không có thiện chí và mong muốn hàn gắn tình cảm với chị B.

Từ những phân tích trên, cho thấy hôn nhân giữa chị B và anh H đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, anh chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn anh H của chị B là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Có 01 con chung tên **Phạm Thị Thủy T**, sinh ngày 15/08/2005, vì con chung đã trưởng thành, lao động tự lo cho bản thân được nên chị không yêu cầu giải quyết, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B trình bày không có. Tòa án cũng không nhận được ý kiến phản hồi của anh H đối với hai vấn đề này, nên sau này có tranh chấp thì anh chị có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị B đối với bị đơn Phạm Thanh H.

- *Về hôn nhân*: Chị Dương Thị B được ly hôn với anh Phạm Thanh H.
- *Về con chung*: Không đặt ra xem xét.
- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí:

Chị Dương Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cản trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0012803 ngày 28/4/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- UBND xã Châu Thành;
- Dương sự, lưu HSAV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI